BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 124/TBTS-ĐHNCT

Cần Thơ, ngày 20 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2023

1. NGÀNH TUYỂN SINH

TT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổ chức học tập
1	Quản trị kinh doanh (QTKD)	8340101	40	**Có 2 hình thức tùy học viên lựa chọn:** + Học tập vào các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 +Học tập: Thứ 6, Thứ 7 và Chủ nhật - Chương trình theo tiến độ 24 tháng (4 học kỳ) có 60 tín chỉ bao gồm luận văn tốt nghiệp.
2	Luật kinh tế (LKT)	8380107	45	
3	Dược lý & Dược lâm sàng (DL&DLS)	8720205	50	
4	Kỹ thuật ô tô (KTOT)	8520130	40	
5	Công nghệ thông tin (CNTT)	8480201	40	
6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (QTDL)	8810103	35	

2. ĐỐI TƯỢNG & ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

a. Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp các ngành phù hợp theo bản ghi điểm đại học *(Phụ lục 1: Danh mục ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức).*

b. Có năng lực ngoại ngữ[1] từ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 Bậc (*Phụ lục 2:Bảng quy đổi tương đương cấp độ ngoại ngữ*) hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc học tập toàn bộ bằng tiếng nước ngoài.

c. Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học (hoặc tương đương trở lên tại trường Đại học Nam Cần Thơ) có điểm trung bình tích lũy (*đã bao gồm các học phần căn bản*) xếp loại khá trở lên được đăng ký học không quá 15 tín chỉ các học phần trình độ thạc sĩ nhằm tích lũy năng lực chuyên môn.

3. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

- Xét tuyển sinh theo kết quả học tập ở trình độ đại học hoặc tương đương.

TT	Ngành	Xét tuyển theo điểm	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	QTKD	*Kinh tế học + Quản trị học + Điểm trung bình tích lũy ở đại học*	Thí sinh đạt ngoại ngữ tương đương bậc 3 trở lên *(Trường có tổ chức đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào thạc sĩ)*	Thí sinh đang học đại học được đăng ký học tự do không quá 15 tín chỉ của chương trình thạc sĩ tương ứng.
2	QTDL	*Tổng quan du lịch + Quản trị kinh doanh lữ hành + Điểm trung bình tích lũy ở đại học*		
3	LKT	*Lý luận chung về NN&PL + Luật thương mại + Điểm trung bình tích lũy ở đại học*		
4	DL& DLS	*Dược lý + Dược lâm sàng + Điểm trung bình tích lũy ở đại học*		
5	CNTT	*Lập trình căn bản + Toán rời rạc 1 + Điểm trung bình tích lũy ở đại học*		

6	KTOT	*Lý thuyết ô tô + Nguyên lý động cơ đốt trong + Điểm trung bình tích lũy ở đại học*		

- Có xét công nhận tương đương kiến thức đã học với học phần xét tuyển.
- Thí sinh đăng ký học **bổ sung kiến thức** (*theo Phụ lục 1*) cần liên hệ sớm để đượchướng dẫn chi tiết.
- Thực hiện các chế độ giảm học phí theo quy định. Ưu đãi, giảm học phí đối với cựu sinh viên Nhà trường cho toàn khóa học.

4. Hình thức đào tạo:

Đào tạo theo hình thức chính quy. Có 2 phương án cho học viên lựa chọn:

+ Học tập vào các ngày từ thứ 2 đến thứ 6

+ Học tập vào các ngày thứ 6, thứ 7 và chủ nhật

5. HỒ SƠ, LỆ PHÍ, HỌC PHÍ

5.1 Hồ sơ tuyển sinh và học tập

Tự in file tải từ website www.nctu.edu.vn. Không hoàn trả hồ sơ và lệ phí đã nộp.

Thực hiện theo mẫu hồ sơ. Bản photo cần có chứng thực sao y.

a. *Phiếu đăng ký dự thi có dán ảnh;*

b. *Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân;*

c. *Bằng tốt nghiệp và bảng điểm quá trình học đại học;*

d. *Bảng điểm bổ sung kiến thức (nếu có);*

e. *Giấy xác nhận tương đương văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có).*

5.2 Lệ phí hồ sơ, ôn tập, dự thi và học bổ sung kiến thức

- Lệ phí tiếp nhận, xét tuyển sinh: 500.000 (năm trăm ngàn) đồng/bộ hồ sơ
- Ôn tập và dự đánh giá trình độ tiếng Anh: 1.100.000 (một triệu, một trăm ngàn) đồng/bộ hồ sơ.
- Học bổ sung kiến thức: 350.000 (ba trăm năm mươi ngàn) đồng/tín chỉ.

5.3. Học phí:

- Ngành QTKD: 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm)vnđ/học kỳ
- Ngành Luật kinh tế: 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm)vnđ/học kỳ
- Ngành Dược lý&Dược lâm sàng: 27.500.000 (Hai mươi bảy triệu năm trăm)vnđ/học kỳ
- Ngành Kỹ thuật ôtô: 23.000.000 (Hai mươi ba triêu) vnđ/học kỳ
- Ngành Công nghệ thông tin: 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm) vnđ/học kỳ
- Nganh Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành: 18.500.000 (Mười tám triệu năm trăm)vnđ/học kỳ

6. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ (cập nhật tại website: www.nctu.edu.vn)

- Tiếp nhận hồ sơ đến **Thứ bảy, ngày 30/09/2023**
- Học bổ sung kiến thức ngành: ***Hồ sơ riêng và theo hướng dẫn của Khoa Sau Đại học***
- Ôn tập và đánh giá năng lực ngoại ngữ: ***Thông báo cụ thể sau***

7. ĐỊA ĐIỂM NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Phòng Tư vấn Tuyển sinh và Truyền thông –Trường ĐH Nam Cần Thơ, số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại: **(02923)798 168 - Hotline/Zalo: 0939 257 838**

Email: tuyensinhdnc@nctu.edu.vn- Website: www.nctu.edu.vn

Nơi nhận:
- HĐT (để báo cáo);
- Website NCT, truyền thông công cộng: thông tin;
- Các đơn vị thuộc Trường: T/hiện;
- Lưu: TC-HC, KSĐH.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Văn Quang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 20 tháng 7 năm 2023

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Ban hành kèm theo thông báo số 124/TBTS-ĐHNCT, ngày 20/7/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Nam Cần Thơ)

1. *Ngành Quản trị kinh doanh*

Mã ngành	Khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung	Ghi chú
734	**Kinh doanh và quản lý** (lĩnh vực)		
73401	(Nhóm ngành) **Kinh doanh**	Nhóm ngành và ngành đúng - không học bổ sung kiến thức	
7340101	**Quản trị kinh doanh**		
7340115	Marketing		
7340116	Bất động sản		
7340120	Kinh doanh quốc tế		
7340121	Kinh doanh thương mại		
7340122	Thương mại điện tử		
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may		
	Tất cả các khối ngành, nhóm ngành và ngành khác: *Căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét môn phải học bổ sung kiến thức*	1. Kinh tế vi mô – 2TC 2. Kinh tế vĩ mô – 2TC 3. Quản trị học – 2TC 4. Nguyên lý thống kê – 2TC 5. Nguyên lý kế toán – 2TC	

2. *Ngành Luật kinh tế*

Mã ngành	Khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung	Ghi chú
738	**Pháp luật**	Lĩnh vực đúng	
73801	**(**Nhóm ngành) **Luật**	Nhóm ngành đúng - không học bổ sung kiến thức	
7310205	Quản lý nhà nước	**Nhóm ngành phù hợp** – Học bổ sung 03 học phần: 1. Lý luận NN&PL – 2TC 2. Luật dân sự – 2TC 3. Pháp luật TM HH & DV – 2TC	
78601	(Nhóm ngành) **An ninh và trật tự xã hội**		
7310201	Chính trị học		
7340102	Quản trị-luật		
	Tất cả các khối ngành, nhóm ngành và ngành khác: *Căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét môn phải học bổ sung kiến thức*	1. Lý luận NN&PL – 2TC 2. Luật dân sự – 2TC 3. Pháp luật TM HH & DV – 2TC 4. Luật đất đai – 2TC 5. Luật lao động – 2TC 6. Luật doanh nghiệp – 2TC 7. Luật môi trường – 2TC 8. Luật thương mại quốc tế – 2TC 9. Luật về đầu tư – 2TC	

3. *Ngành Dược lý – Dược lâm sàng*

Mã ngành	Khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung	Ghi chú
772	**Sức khỏe**	Lĩnh vực đúng	
77202	(Nhóm ngành) Dược học	Nhóm ngành, ngành đúng – không học bổ sung kiến thức	
7720201	Dược học		
7720203	Hóa dược		
77201 7720101	(Nhóm ngành) Y học Bác sĩ đa khoa	**Nhóm ngành cùng lĩnh vực** *(căn cứ bảng điểm trình độ đại học) để xét môn phải học bổ sung kiến thức* 1. Hóa dược – 3TC 2. Dược lý – 3TC 3. Dược lâm sàng – 3TC 4. Pháp chế dược – 2TC	

4. *Ngành Kỹ thuật ô tô*

Mã ngành	Khối ngành, nhóm ngành, ngành	Học phần bổ sung	Ghi chú
7510205	**Công nghệ kỹ thuật ô tô**	Lĩnh vực đúng	
	(nhóm ngành) **Kỹ thuật cơ khí động lực; Kỹ thuật ô tô**	Nhóm ngành đúng - không học bổ sung kiến thức	
7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	**Nhóm ngành cùng lĩnh vực** (c*ăn cứbảng điểm trình độ đại học) để xét môn phải học bổ sung kiến thức* 1. Lý thuyết ô tô - 3TC 2. Kết cấu ô tô - 2TC 3. Nguyên lý động cơ đốt trong - 3TC	
7510202	Công nghệ chế tạo máy		
7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử		
7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		
	Tất cả các nhóm ngành và ngành khác: *Căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét* *môn phải học bổ sung kiến thức*	1. Nhập môn CN KT ô tô - 2TC 2. Lý thuyết ô tô - 3TC 3. Kết cấu ô tô - 2TC 4. Nguyên lý động cơ đốt trong - 3TC 5. Ô tô hiện đại - 2TC	

5. *Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành*

Mã ngành	*Khối ngành, nhóm ngành, ngành*	*Học phần bổ sung*	*Ghi chú*
	Tất cả các nhóm ngành và ngành khác: *Căn cứ bảng điểm trình độ đại học để xét môn phải học bổ sung kiến thức*	1. Quản trị học – 2TC 2. Kinh tế học – 2TC 3. Kinh tế du lịch – 2TC 4. Tổng quan du lịch – 2TC 5. Thiết kế và điều hành tour du lịch – 2TC 6. *Quản trị kinh doanh lữ hành – 2TC*	

6. *Ngành Công nghệ thông tin*

Mã ngành	*Khối ngành, nhóm ngành, ngành*	*Học phần bổ sung*	*Ghi chú*
748	**Máy tính và Công nghệ thông tin**	Lĩnh vực đúng	
74801	(Nhóm ngành) **Máy tính**	Nhóm ngành đúng - không học bổ sung kiến thức	
7480101	Khoa học máy tính		
7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		
7480103	Kỹ thuật phần mềm		
7480104	Hệ thống thông tin		
7480107	Trí tuệ nhân tạo		
7480109	Khoa học dữ liệu		
74802	**Công nghệ thông tin**		
7480201	Công nghệ thông tin		
7480202	An toàn thông tin		
7480106	Kỹ thuật máy tính	**Nhóm ngành phù hợp** – Học bổ sung 03 học phần: 1. Lập trình căn bản - 3TC 2. Phân tích và thiết kế thuật toán - 3TC 3. Toán rời rạc 1 - 3TC	Nếu trong bảng điểm đã có và đạt thì không cần phải học bổ sung
7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính		
7140210	Sư phạm Tin học		
7460117	Toán tin		
7340405	Hệ thống thông tin quản lý		
7340122	Thương mại điện tử		
7320104	Truyền thông đa phương tiện		
7320205	Quản lý thông tin		

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. NGUYỄN VĂN QUANG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày tháng năm 2023

PHỤ LỤC 2

Bảng quy đổi tương đương cấp độ ngoại ngữ
(Theo thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT, ngày 30/08/2021)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Văn Quang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

MÃ HỒ SƠ

PHIẾU ĐĂNG KÝ
XÉT TUYỂN SINH CAO HỌC

Kính gửi: Hội đồng Tuyển sinh cao học – Trường ĐH Nam Cần Thơ

Ngành đăng ký: ..... Mã ngành: .....

Họ và Tên:..... Giới tính:.....

Ngày sinh:……/……/……..Nơi sinh:……..……

Số CMND/CCCD:.....Ngày cấp: ……Nơi cấp: ……

Điện thoại liên lạc: ……../zalo .....

Email cá nhân[1]: ....

Địa chỉ liên lạc gửi thư :.....

Tốt nghiệp đại học ngành: ..... Năm:…….

- Chứng chỉ bổ sung kiến thức (nếu có – thuộc lĩnh vực .....) tại Trường. . . . . .Số chứng chỉ: . . . . . ngày cấp: . . . . . .
- Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ: ..... Điểm (cấp độ) . . . . . .

Đăng ký: Kiểm tra ngoại ngữ ☐ Miễn kiểm tra ngoại ngữ ☐

Tôi xin cam đoan những khai báo trên là đúng sự thật.

Hồ sơ gồm có: (*photo có chứng thực sao y)*

1. Bằng TN đại học và bảng điểm: . . . . . .
2. CMND/CCCD: . . . . . .
3. Chứng chỉ: . . . . . .
4. Khác: . . . . . .

Cần Thơ, ngày ……tháng ……năm 20…
Thí sinh đăng ký
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

DÁN ẢNH THÍ SINH
(*4 ảnh (3x4 cm) dán vào phiếu này, chỉ dán 1 vệt keo giữa hình để tiện gỡ ra sử dụng*)

Ảnh (3x4)	**Ảnh** (3x4)	**Ảnh** (3x4)	**Ảnh** (3x4)

[1] Mục này là **bắt buộc**, Nhà trường trao đổi thông tin với thí sinh và là tài khoản đăng nhập hệ thống học tập.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

MÃ HỒ SƠ

BIÊN NHẬN HỒ SƠ
TUYỂN SINH CAO HỌC[2]

1. Họ và tên: . . . . . .Giới tính: . . . . . .
2. Ngày sinh: …. . . /…. . . /. . . . . Nơi sinh: . . . . . .
3. Số CMND/CCCD: .....Ngày cấp: . . . . . .Nơi cấp: . . . . . .
4. Ngành dự thi: . . . . . Đăng ký dự thi tháng/năm: . . . . . ./. . . . .

HỒ SƠ GỒM[3] (các bản photo cần chứng thực sao y**)**

5. Phiếu đăng ký dự thi cao học:……. bản và…….ảnh
6. Bằng tốt nghiệp Đại học và bảng điểm toàn khóa: .....bản
7. CMND/CCCD: ..... bản
8. Chứng chỉ: .....
9. Giấy tờ khác gồm: .....
10. Đăng ký kiểm tra ngoại ngữ ☐ Miễn kiểm tra ngoại ngữ ☐

Tổng cộng đã nhận: ……. loại.....tờ.

Nhà trường gửi email đến thí sinh tài liệu hướng dẫn ôn tập, dự đánh giá năng lực ngoại ngữ và các thông báo khác.

Thí sinh cần trình phiếu này và biên lai thu lệ phí khi giao dịch với Trường.

Các khoản tài chính thu
- Lệ phí xét tuyển: . . . . . .
- Lệ phí đánh giá ngoại ngữ: . . . . . .
- Học bổ sung kiến thức: . . . . . .

Cần Thơ, ngày . . . tháng . . . năm . . . .
Cán bộ điểm tiếp nhận hồ sơ

Xác nhận các khoản lệ phí
(thí sinh cần lưu giữ chứng từ tài chính đính kèm phiếu này)
Cần Thơ, ngày . . . tháng . . . năm . . . .
Cán bộ thu ngân

Chi tiết liên hệ: Khoa Sau đại học – Khu D - Trường Đại học Nam Cần Thơ, số 168, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài),
P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
Điện thoại: (02923)79.88.74
Email: khoasaudaihoc@nctu.edu.vn
Website: www.nctu.edu.vn

[2] Hồ sơ và lệ phí đã nộp không thuộc diện hoàn trả, không có giá trị bảo lưu cho các kỳ thi khác.
[3] Thí sinh thường xuyên kiểm tra email để nhận thông tin, thông báo của Trường.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

MÃ HỒ SƠ

I. Thông tin cơ bản

Họ và tên: …….. . . . . .Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Ngày sinh: …...../……../……..……Nơi sinh: ……

Số điện thoại: …… / …… . ./.....

Email*: ……Zalo: ……. . . . . .

Địa chỉ liên hệ: . . . . . .

Tốt nghiệp ĐH trường: ……Năm tốt nghiệp:……. . . . .

Ngành (*ghi trên bằng tốt nghiệp)*..... . . . . .

Chuyên ngành (*ghi trên bảng điểm*): …… . . . . . .

II. Thông tin đăng ký *(đánh dấu X vào các học phần đăng ký học)*

TT	Tên học phần	Số TC	Xác nhận[4]	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
6				
	Tổng đăng ký			

- **Hình thức học:** Các buổi tối trong tuần và ngày thứ 7 và chủ nhật
- **Tổng số học phần đăng ký học**..... HP
- **Tổng số tiền**: ……

Cần Thơ, ngày tháng năm 20

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gồm có: ***(bản photocopy có kèm bản gốc để đối chiếu)***

1. Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đại học) và bảng điểm quá trình học đại học.
2. Chứng minh thư nhân dân (hoặc căn cước công dân).
3. Ảnh chụp chân dung 3x4 cm: 04 cái

DÁN ẢNH THÍ SINH

(4 ảnh (3x4 cm) dán vào phiếu này, chỉ dán 1 vệt keo giữa hình để tiện gỡ ra sử dụng)

Ảnh (3x4)	**Ảnh** (3x4)	**Ảnh** (3x4)	**Ảnh** (3x4)

[4] Khoa Sau đại học xác nhận sau khi đối chiếu với bảng điểm đại học.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH CAO HỌC

MÃ HỒ SƠ

I. Thông tin cơ bản

Họ và tên: …….. . . . . .Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐

Ngày sinh: …...../……../……..……Nơi sinh: ……

Số điện thoại: …… / …… . ./.....

Email*: ……Zalo: ……. . . . . …...

Địa chỉ liên hệ: . . . . . ….

Sinh viên ĐH trường: ……Học kỳ đang học:……

Ngành đang học.……Xếp loại học tập:……

Đăng ký theo học các môn thuộc chương trình cao học: ……

II. Thông tin đăng ký *(đánh dấu X vào các môn đăng ký học)*

STT	Tên học phần	Số TC	Xác nhận[5]	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
6				
	Tổng đăng ký			

- **Hình thức học:** Các buổi tối trong tuần và ngày thứ 7 và chủ nhật
- **Tổng số học phần đăng ký học:**..... HP
- **Tổng số tiền:**……

Cần Thơ, ngày tháng năm 20

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gồm có: ***(bản photocopy có kèm bản gốc để đối chiếu)***

1. Bằng tốt nghiệp đại học (hoặc giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đại học) và bảng điểm quá trình học đại học.
2. Chứng minh thư nhân dân (hoặc căn cước công dân).
3. Ảnh chụp chân dung 3x4 cm: 04 cái

DÁN ẢNH THÍ SINH

(4 ảnh (3x4 cm) dán vào phiếu này, chỉ dán 1 vệt keo giữa hình để tiện gỡ ra sử dụng)

Ảnh (3x4)	**Ảnh** (3x4)	**Ảnh** (3x4)	**Ảnh** (3x4)

[5] Khoa Sau đại học xác nhận sau khi đối chiếu với bảng điểm đại học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ
KHOA SAU DẠI HỌC

PHIẾU ĐIỂM DANH VÀO LỚP[6]

(Học viên nhận thông tin lịch học qua email đã cung cấp)

MÃ HỒ SƠ

Ảnh
(3x4 cm)
đóng dấu giáp lai

Học phần bổ sung: . . . . . .

. . . .

.Phòng học: . . . . . .Khối nhà học: . . .

…….. . . . . .

Họ và tên: . . . . . .Giới tính: . . . . . .

Ngày sinh: . . . ./. . . ./. . . . . ..Nơi sinh: . . . . . .

Số điện thoại: . . . . .Email: . . . . . .

Tài liệu học tập được GV giới thiệu ở buổi học đầu tiên mỗi học phần.

Mỗi học phần bao gồm điểm chuyên cần (20%), điểm kiểm tra giữa kỳ (30%), điểm thi kết thúc học phần (50%). Chỉ tổ chức 1 lần thi kết thúc học phần. Công nhận đạt học phần khi điểm đánh giá từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10).

Phòng Tài chính – Kế hoạch *(ký và ghi rõ họ tên)*	**Bộ phận tiếp nhận hồ sơ** (*xác nhận đã tiếp nhận đăng ký lớp BSKT*)

[6] Học viên mang theo phiếu này để được vào đúng lớp. Chỉ sử dụng cho đúng học viên và đúng ca học.
Chi tiết cụ thể liên hệ Khoa Sau đại học: (02923)79 88 74.